

MỘT VÀI SUY NGHĨ QUA NGHIÊN CỨU TRANG TRÍ TRÊN BỐN TẤM BIA ĐÁ Ở THANH HOÁ

LÊ TẠO*

Khi nói tới bia ký, người ta thường nghĩ tới mấy dạng cơ bản là: Bia bệ, bia trụ vuông, trụ tròn, bia ma nhai..., song nhận thức đó có thể bị thay đổi khi vào với xứ Thanh. Tới nay, chưa ai khẳng định được ở đất này có bao nhiêu dạng bia ký. Để thống kê được tương đối đầy đủ, chúng ta phải thực hiện cuộc "hành hương" khá lâu dài về lĩnh vực này. Và, tạm mở đầu cho sự tìm hiểu đó, xin đề cập tới 4 tấm bia mà chúng tôi coi là đặc biệt, không riêng cho Thanh Hóa mà như cho cả đất nước.

Tấm bia thứ nhất đặt tại đền thờ Lê Hoàn (xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá), có tên *Lê Đại Hành Hoàng đế điện điển chí*. Niên đại khắc bia vào năm Hồng Định thứ 2 (1602). Người soạn: Phùng Khắc Khoan, quê quán Thạch Thất, Hà Tây, tên tự là Hoàng Phu, đỗ Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn (1580) được phong: Kiệt tiết Tuyên lực công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Thượng thư bộ Công, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, tước

Mai Lĩnh hầu. Bia cao 1,20m, rộng 0,81m, đế cao 0,14m gồm hai lớp cánh sen, đế trơn, không chạm khắc trang trí.

Diềm bia rộng 4,5cm được trang trí thống nhất một phong cách với các đường sống dạng "hình sin" doãng. Trong từng cung tròn chạm các vân xoắn mềm mại tạo nên những hoa cúc cách điệu. Diềm đáy khắc tả hai lớp sóng nhỏ hình vẩy cá, trên cùng là lớp sóng lớn, mỗi ngọn có ba đỉnh, như những cánh sen đệp đặng đối hai phía. Phong cách chạm khắc phóng khoáng, gợi nhiều đến yếu tố nguồn nước và ánh sáng, một khát vọng hằng xuyên của cư dân nông nghiệp.

Độ cao trán bia (từ đỉnh đến chân dòng chữ cái tên bia) là 21cm, dáng bè còn gần với phong cách bia thời Lý - Trần, trong đó phần chữ 6cm, phần trang trí rỗng tâm trán bia là 12cm, diềm 4,5cm. Tỷ lệ chiều cao trán bia và chiều rộng của bia là $81\text{cm}/21\text{cm} = 3,86$. Mặt tròn ở chính tâm có đường kính 6,5cm, tỏa ra các đao mác lớn, nhỏ mập, cùng bao xung quanh. Hai rỗng châu có thân hình yên ngựa, thân dài, uốn 9 khúc mềm mại, vây rỗng hình vẩy cá được khắc nét tinh tế, móng vuốt nhọn và sắc.

* HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THANH HÓA

Nội dung bia (mặt Dương) chép: “năm Hoàng Định thứ 2 (1602), Đại Nguyên suý Tổng quốc Chính Thượng phụ, Bình An vương Trịnh Tùng lệnh chỉ cho Đội trưởng, tước Phù Hương hầu là Mai Nạo cùng nhiều người khác trong xã Trung Lập, huyện Thụy Nguyên, theo như trước đây, trong xã có miếu thờ Lê Đại Hành, có ruộng lộc điền, nay hợp ruộng ở các nơi giao cho lưu giữ, phân canh. Văn bia ghi các xứ có đồng ruộng nằm trong các xã là nguồn đất của miếu thờ”.

Mặt âm của bia không khắc tên, nhưng ghi rõ danh tính của hai ban văn và võ xếp hạng từ cao xuống thấp.

Trang trí diềm bia ở mặt sau (mặt Âm) vẫn là dạng sóng hình sin và các cánh hoa cúc, sen nghiêng nằm trong các vòng bán cung (như mặt trước), nhưng mặt độ các hình đậm đặc hơn. Diềm đáy cũng được nhắc lại như mặt trước (vây như sóng vẩy cá, nhưng không có hình cánh sen đệp).

Đặc biệt, trán bia chỉ trang trí một hồi long chạy từ trái qua phải với đuôi một bên, đầu một bên, thân vồng lên ôm khít lấy mặt tròn ở trung tâm (như tượng trưng cho bầu trời), chính tâm của mặt tròn là một hoa cúc cách điệu mãn khai nhìn chính diện. Bám cân xứng bốn phía trong mặt tròn là bốn nửa bông cúc (trên, dưới, hai bên) mà người ta như ngỡ gặp được các tinh tú ở bốn phương trời.

Trở lại với con rồng, sự kết hợp giữa linh vật này với các hạt tròn chỉ mang nghĩa của một yếu tố Âm hoặc Dương, như đã thoáng ngỡ gặp được hai bầu trời trên một trán bia, đó là một bầu trời vũ trụ khởi nguyên, mệnh mông ôm ấp lấy bầu trời của cõi “Sa bà” (trong đó có các thế giới Thiên, Nhân, Địa ngục...).

Ở mặt tạo hình, đầu rồng to, cằm bạnh, mắt lồi, mũi sư tử, miệng nhả hạt tròn, tỏa nhiều nét vạch, như kiểu tia sáng. Khuỷu chân trước và khuỷu chân sau đều có các dải đao mác bay ra. Bờm khá dài, tạo nên bởi các nét khắc nhỏ, song hàng lượn sóng nhẹ, đan chéo với nhau kiểu tết tóc (môtíp này chưa thấy trước thế kỷ XVII). Nền trán bia như tượng cho bầu trời sinh động, nhiều đường vạch kéo thẳng, gãy góc, uốn

nhỏ dần toả ra từ các hoa cúc tròn nhiều cánh ở hai góc...

Đồ án trang trí ở mặt Âm bia Hoàng đế điện điển chí có phong cách chạm phóng khoáng và có phần mang yếu tố dân gian. Phải chăng ở bia này “mặt Dương” được chạm khắc với sự ràng buộc chặt chẽ bởi tính chất quy củ, còn “mặt Âm” thì người nghệ sỹ như được quyền phóng túng hơn trên tinh thần sáng tạo một cách hỗn nhiên, do vậy những giá trị văn hoá của đương thời theo tư duy liên tưởng mệnh mông mà “thao diễn” một cách phong phú. Từ cách thức bố cục, trang trí đó như gợi cho chúng ta liên hệ đến một quyền năng tối thượng, bao trùm của Lê Đại Hành Hoàng đế.

Tám bia thứ hai (bia lớn, phía Đông - Bắc) dựng trên bệ đá hình vuông, cũng tại đền thờ Lê Hoàn, thuộc huyện Thọ Xuân.

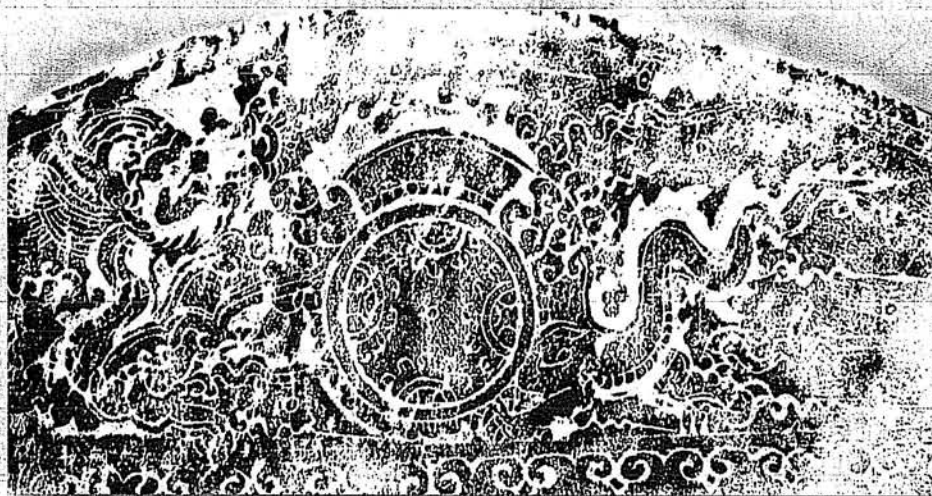
Mặt trước bia (mặt Dương) có tên *Lê Đại Hành Hoàng đế điện miếu bi*. Trán bia hình vòng cung, ngăn cách trán và thân là hàng chữ tên bia.

Bia dựng vào tháng 2 năm Bính Dần, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8 (1626). Người soạn là Nguyễn Thực (Tiến sĩ khoa, Ất Dậu, niên hiệu Quang Hưng thứ 18).

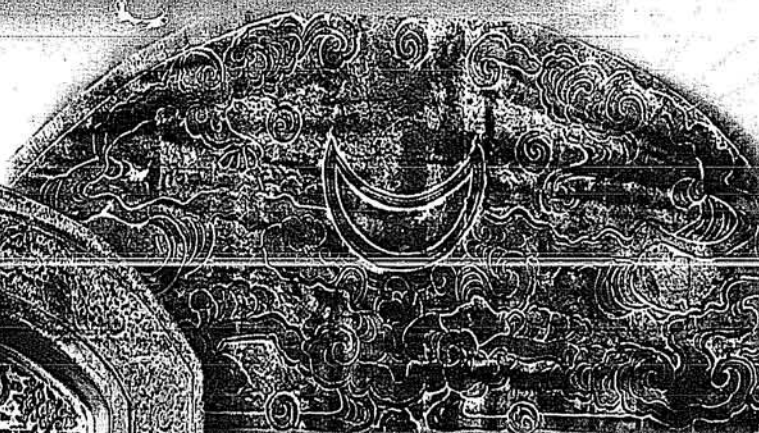
Kích thước bia cao 1,70m (cả thân đế), bệ cao 0,23cm, bề rộng của bia và bệ 1,2m. Trán bia khắc hình mặt trời có rồng châu hai bên, dạng rồng thân mập, khuỷu chân có đao lửa bốc ra kéo dài. Phần thân rồng tạo nét nhấn khoẻ khoắn, các vây và vẩy kiểu của cá, khá mềm mại. Diềm bia rộng 11cm, diềm trán được chạm một bông sen hé nở, nhiều nét khắc vạch tạo các đường vân mềm mại. Hai chim phượng châu được tạo dáng uyển chuyển, các lông vũ biến thành các đao và vân mây. Diềm bên chạm hai hình vân mây cuộn đảng đối làm nền cho hai rồng (ở mỗi bên), con trên dáng lao lên, con dưới lao xuống, thân uốn lượn, miệng nhả ngọc, đầu châu vào thân bia.

Diềm đáy bia có hình hai con lân khắc nổi châu vào hoa sen được điểm nhiều hoa lửa trên thân và hàm. Nhìn chung, nhịp điệu của các mảng trống (khoét chìm) và mảng khối nổi khá cân đối và hài hoà với nhịp điệu thưa, mau tạo nên sự sinh động

Lê Tạo: Một vài suy nghĩ qua nghiên cứu trang trí trên bốn...



1



2



3

1 - Trán bia đền Lê Đại Hành
(Thanh Hóa), đá, 1601.

2 - Trán bia Trùng tu cung
miếu bi (Triệu Sơn, Thanh Hóa),
đá, 1775.

3 - Bia vòm lăng Lê Thời Hiến
(Triệu Sơn, Thanh Hóa), đá,
1677.

Ảnh: Lê Tạo.

cho toàn bố cục.

Bệ bia có mặt đứng phía trước và hai bên chạm nổi ở mỗi mặt một rồng yên ngựa, dáng thân doãng mập, vẩy cá chép, điểm nhiều khóm mây đao mác. Mặt trên bệ bia chạm nổi hai hàng cánh sen xếp theo hình vẩy cá. Trong lòng mỗi cánh sen lớn có khắc nét một hình hoa cúc nhỏ (mãn khai). Kiểu dáng bia gần với phong cách bia ở chùa Keo (Thái Bình).

Đáng quan tâm hơn cả ở bệ bia này là hiện còn hai garuda ở góc mặt trước. Đây là những hình tượng garuda có niên đại muộn nhất còn gặp được và chưa tìm thấy ở các tỉnh phía Bắc. Từ hình thức rồng và garuda cùng đài sen đã cho chúng ta có thể liên tưởng tới các nhang án đá của chùa làng ở nửa cuối thế kỷ XIV - Rừng, dưới sức mạnh tinh thần của Phật pháp mà garuda và rồng đã giải tỏa được mối hận thù truyền kiếp để cùng tôn vinh đạo Phật. Có thể nghĩ, hình thức này như một sự kế thừa gần gũi của nghệ thuật tạo hình thời trước dưới một sự sáng tạo mới, và nó không chỉ dừng ở sự đề cao nhà Phật mà còn như để xưng tán Lê Đại Hành Hoàng đế nữa.

Nội dung văn bia ghi chép về "công đức to lớn của Lê Đại Hành Hoàng đế, ân trạch thịnh dày, dân trong bốn biển tưởng nhớ ân sâu bàn lập đền thờ ở quê nhà để bốn mùa hưởng sự báo đền của thiên hạ. Bia có ghi (sự kiện - L.T) dưới thời Hồng Đức triều đình cho phép dân binh trong xã phục dịch tế tự cấp cho các xứ 67 mẫu để làm ruộng thờ cúng".

Mặt Âm bia khắc tên *Trung Lập tạo lệ bi*, trang trí không khắc nổi, mà chỉ có nét chạm sâu vừa phải trên nền phẳng, trán chạm rồng châu mặt trời. Diềm bia bao bởi một hàng "dây cúc" với đường sống chính lượn cong đều, tròn, tạo nên các ổ bụng là không gian của các bông cúc mãn khai nhìn chính diện dưới dạng cách điệu. Đặc biệt, đường sống chính (lượn cong đều) được thể hiện kép với các vạch nổi ngang đã tạo thành đốt như thân của tre và trúc. Từ đáy bia, "trúc" chạy lên rồi hội lại ở đỉnh để cùng nâng một bông sen mãn khai nhìn nghiêng. Hình thức này thoáng như gợi về

một trục nối giữa tầng trên với tầng dưới, giữa cõi Phật và cõi phàm trần. Nội dung mặt Âm của bia khắc tên tuổi quan lại, địa danh, chức tước của họ ở đương thời.

Tấm bia thứ 3, dựng tại lăng Lê Thời Hiến, thuộc xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá. Bia có niên đại năm Đinh Tỵ, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 (1677) để tên *Lê Lệnh công sự nghiệp bi*, do Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân khoa Giáp Thìn (1664), Đông các Đệ nhị danh khoa Bính Thìn (1676) Hồ Độn Phủ, người Hoàn Hậu, đất Quỳnh Lưu vàng mệnh nhuận sắc. Phụng sai Đặng Trinh, người Nguyệt Viên, huyện Hoàng Hoá vàng mệnh viết chữ.

Vòm bia có kích thước cao toàn thể 2,35m, rộng 1,85m, dày 1,1m. Vòm bao quanh dày 0,30m, sâu mỗi mặt (trước, sau) 0,32m. Đế trơn hình chữ nhật, cao 0,45m.

Mặt trước bia (mặt Dương), nhìn về hướng Tây - Nam, khắc ba chữ *Lê Lệnh công*. Đây là một dạng bia mà toàn bố cục chưa tìm thấy ở nơi nào khác trên đất Việt. Thực ra, tấm bia chính cũng được chạm trở rất kỹ như nhiều bia khác, song cái riêng là ở khối đá cong hình vòm cuốn bao ở trên và hai bên của bia, như nhằm tránh cho bia khỏi sự bào mòn của mưa gió.

Trán bia được chạm nổi hai rồng châu vào mặt trời. Thân rồng khá mập, đầu có sừng ngắn, điểm xuyết ở các bộ phận trên thân là đao mác bay ra sau. Diềm đáy bia là hàng cánh sen dẹo đặng đối chạy sang hai phía. Lông trong mỗi cánh hoa lớn (Âm) có một bông cúc nhỏ cùng hình vân mây (Dương) như tạo nên một cặp "Âm Dương đối đãi".

Đường diềm bao ngoài mặt cung vòm cuốn là hình chạm nổi hoa cúc dây mãn khai đặng đối (bước nhịp là 33cm/55cm). Các hoa cúc được nhắc lại khá giống nhau, gồm bông trong và bông ngoài của mỗi bán cung (có 18 hoa cúc mỗi mặt). Các bông cúc này đều được nhìn chính diện, cánh và lá được điểm xuyết các đường gân, khá sinh động.

Mặt sau của bia gần với phong cách mặt trước, nhưng đường diềm "mái che", khắc hoa cúc lớn hơn, mật độ khối, nét đặc

hơn, các đường vòng của sống dây không đều. Thân bia khắc bài ký ghi lại sự nghiệp vẻ vang của Thái tử Lê công họ Lê là danh tướng đương triều.

Tấm bia thứ tư hiện dựng tại miếu thờ Đức Thánh Lưỡng, thuộc làng Sơn Hà, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn. Theo dân sở tại cho biết, đầu thế kỷ XIX miếu thờ cũ ở cạnh bờ sông Nhôm, cách miếu hiện nay 2.000m, bị lũ làm sập lở móng nhà, dân làng di chuyển bia và tượng, đồ thờ về nơi hiện nay. Tên bia khắc 5 chữ Hán viết theo kiểu chữ Khải chân (khắc nổi): *Trùng tu cung miếu bi*, dựng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775). Người soạn là Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, giữ chức Hàn Lâm viện Thị thư, phụng sai Thanh Hoa xứ, Hình ty Hiến sát sứ, tên là Nguyễn Duy. Bia có chiều cao 1,75m, thân bia rộng phần trên 1,07m, bề rộng ở dưới 1,1m, lòng bia khắc chữ rộng 0,85m. Bia dày 0,20m, mỗi bên bia có câu đối, mỗi câu có 7 chữ, mỗi chữ nằm trong hình lục lăng. Nội dung câu đối: Kỷ niên đăng trật phong kim sắc, Mùi tuế trưng văn lập thạch bi, nghĩa là: Năm (can) Kỷ được thăng trật cấp, ban phong sắc vàng, Năm (chi) Mùi lập văn khắc vào bia đá (ý nói vào năm Kỷ Mùi vừa được phong sắc vừa lập bia văn).

Bia có dáng và hình chạm thống nhất với mẫu hình của bia đương thời, với trán khắc hình mây đao và điểm xuyết nhiều hạt tròn không khếp kín xoắn ngược chiều kim đồng hồ (có độ lớn 2 - 3cm) như biểu tượng về yếu tố Âm hoặc Dương trong hình thức chưa tạo nên sự đối đãi trong một bầu trời "khởi nguyên". Mẫu hình này đã thấy xuất hiện ở bia lăng Ngô Thị Ngọc Dao (thế kỷ XV), bia *Lê Đại Hành Hoàng đế điện diên chí* (đầu thế kỷ XVII).

Nét riêng biệt nổi bật của bia này là mặt Âm được tạc ở chính tâm trán với một mặt trăng khuyết, có đường kính 15cm, đặt trên nền các cụm mây điểm xuyết 6 hạt vân xoắn (có bán kính 3cm). Hiện tượng này rất có thể là một sáng tạo đột ngột, ít nhiều mang yếu tố tạo hình dân gian, gắn gũi với nền văn hóa chịu ảnh hưởng của mặt trăng (thúc đẩy sự sinh sôi phát triển và cả ảnh hưởng của thủy triều...).

Lê Tạo: Một vài suy nghĩ qua nghiên cứu trang trí trên bốn...

Bia *Trùng tu cung miếu bi*, có hai mặt, thể hiện gần với cách diễn đạt ở hai bia đền thờ Lê Hoàn, mặt trước mang yếu tố "Dương": Mặt trời, mây, lửa, nguồn sáng; mặt sau mang yếu tố "Âm": Mặt trăng, bầu trời vân vũ, sấm chớp như mang đậm giá trị của văn minh nông nghiệp và yếu tố biển, rất hiếm thấy thể hiện ở bia ký Việt Nam.

Nội dung bia nói về ông Lê Như Quế thi đỗ khoa Mậu Tý (1775), giữ chức Hoàng tìn Đại phu, Thiêm sự viện trong viện Thiêm sự cùng các quan viên và dân xã Sơn Hà, huyện Nô phụng... ban trật ở hàng Thượng đẳng. Bia còn ghi đất Sơn Hà là nơi núi sông uốn lượn, nổi danh là một khu ấp của đất châu Ái. Nơi dân ở có dãy Na Sơn đối diện, phía trước có sông nhỏ chảy qua, như long mạch hiển linh. Hình đất tựa như Rùa vàng, bên tả là Thanh long có núi Bãi Tượng, bên hữu Bạch hổ có nước dẫn mạch. Có sao Chu Tước chiếu dẫn vào gò lớn tựa hình tích ngọc. Hình trạng thế đất tựa như huyền vũ, tam thai, liên châu, đó chính là vùng đất tốt để dựng miếu linh... Bia còn ghi việc linh thiêng của đền và bài minh văn ca ngợi người dân sở tại ở huyện Nông Cống (nay là huyện Triệu Sơn) lập văn bia thờ phụng ở miếu thiêng...

Đây là bốn tấm bia khắc ở bốn thời điểm khác nhau (1602, 1626, 1677, 1775), ghi việc thờ phụng vua, quận công, danh thần được coi là có công với nước. Điều đáng nói là, các tấm bia trên đều ít nhiều có một số đặc điểm riêng, khác lạ, thoáng mang yếu tố dân gian, các mô típ trang trí gợi nhiều ý tưởng triết học đương thời về vũ trụ, về thế giới nhân sinh. Song, có thể nét riêng của tạo hình trên bia ký thuộc xứ Thanh không chỉ dừng lại ở 4 hiện vật đã phát hiện được trong quãng đường ngược về thời quá khứ của chúng tôi. Tuy nhiên, tạm dừng lại ở đây, cũng đủ để chúng ta như thấy tính khởi nguồn, hay ít nhất, mang tính trung tâm của một dòng nghệ thuật chạm khắc đá, mà trong đó, tư duy liên tưởng mệnh mông của người xưa đã như một ngọn đèn sáng trên dòng chảy của tạo hình mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc./